

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung,
cấp dưỡng nuôi con và chia tài
sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Kim Xuyên;

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Yên O, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn E, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L; địa chỉ: Số C, Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yên O với ông Võ Văn E xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã K vào ngày 05/12/2008. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau

đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không quan tâm lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Bà O yêu cầu được ly hôn với ông E.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà O với ông E có 02 con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 14/12/2009 và Võ Gia H1, sinh ngày 07/01/2016. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con; yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất tại Khu dân cư ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An, có diện tích 100m² (ngang 5m, dài 20m); có nguồn gốc do vợ chồng mua lại của ông Lê Văn Quốc K và bà Lê Thị C; hiện nay ông E đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 762, tờ bản đồ số 09, loại đất: ONT, diện tích: 100m², tại khu dân cư xã T, thị xã K, tỉnh Long An; giá trị tạm tính khoảng 450.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu chia đôi tài sản chung; bà O nhận nhà đất; bà O hoàn trả cho ông E 225.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L – Phòng G số tiền 65.000.000 đồng; bà O đề nghị chia đôi số tiền nợ mỗi người phải trả là 32.500.000 đồng.

Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ghi ngày 02/11/2023, bà O yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung của vợ chồng theo Chứng thư thẩm định giá là 689.543.000 đồng. Bà O yêu cầu nhận nhà đất và đồng ý hoàn trả cho ông E ½ giá trị nhà đất là 344.771.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Văn E có đơn tường trình ghi ngày 14/8/2023 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông E thừa nhận đời sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã. Ông E buồn chán thành ra chề chén. Bản thân còn thương vợ, con, nhưng hiện tại ông đang bị bệnh teo cơ, viêm gan nặng và đang điều trị bệnh trong thời gian rất dài nên ông E đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O.

Về con chung: Ông E thừa nhận từ khi ly thân đến nay thì 02 con sống với bà O và ông cũng không thăm, gặp các con. Ông E bệnh nặng nên cần nuôi một con để lo hương khói cho ông sau này; không cần cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung: Nhà đất của vợ chồng ông E sẽ lập di chúc lại cho các con sở hữu sau khi ông E qua đời. Ông E sẽ hỗ trợ bà O số tiền 200.000.000 đồng và bà O phải chịu án phí.

Về nợ chung: Ông E trả hết cho Ngân hàng.

Ngoài ra, ông E không chấp nhận bất kỳ yêu cầu nào khác của bà O và đề nghị không tham gia bất kỳ phiên tòa nào vì ông đi lại không thuận tiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L – Phòng G có Văn bản số 696/TB-NHCTLA ngày 07/11/2023 trình bày:

Hiện nay, bà Nguyễn Thị Yến O và ông Võ Văn E đã tắt toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi vay tại Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L – PGD Mộc Hóa theo Hợp

đồng tín dụng số 2274.0285/2022 vào ngày 04/8/20223. Căn nhà gắn liền với thửa đất số 762, tờ bản đồ số 9, Khu dân cư xã T, thị xã K, tỉnh Long An có giá trị là 450.000.000 đồng không có thể chấp tại Ngân hàng. Ngân hàng thông báo không tham dự phiên họp và các phiên tòa có liên quan đến bà Nguyễn Thị Yến O và bị đơn ông Võ Văn E.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Võ Văn E vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến O vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông E; yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung; yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; yêu cầu được chia nhà đất bằng hiện vật và đồng ý hoàn trả lại ông E $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất là 344.771.000 đồng; không tự nguyện trả lại ông E $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung mà ông E đã trả cho Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L – P.

Bị đơn ông Võ Văn E vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà O yêu cầu ly hôn thì ông E đồng ý nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà O với ông E có hai con chung là Võ Gia H và Võ Gia H1; từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì hai con sống với bà O cho đến nay; còn ông E thì bị bệnh, thường xuyên uống rượu, không có điều kiện nuôi con nên đề nghị giao con cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng. Ông E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Nhà đất tại thửa đất số: 762, tờ bản đồ số 09, loại đất: ONT, diện tích: 100m², tại Khu dân cư xã T, thị xã K, tỉnh Long An do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; các bên không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà O nhận nhà đất để có chỗ ở nuôi hai con; ông E nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất theo định giá.

Về nợ chung: Ông E đã trả cho Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng nên bà O phải có nghĩa vụ trả lại cho ông E số tiền 32.500.000 đồng.

Bà O, ông E mỗi người phải chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Yến O khởi kiện ly hôn với ông Võ Văn E. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Ông Võ Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại kháng quan. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà O yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung; xác định không còn nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông E không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Yến O và ông Võ Văn E xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An vào ngày 05/12/2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O với ông E do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp và tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay nên bà O yêu cầu ly hôn thì ông E đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà O với ông E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông E với bà O có hai con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 14/12/2009, giới tính: Nam và Võ Gia H1, sinh ngày 07/01/2016, giới tính: Nữ; bà O đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con; ông E yêu cầu được nuôi 01 con. Tuy nhiên, từ khi bà O và ông E sống ly thân nhau cho đến nay thì 02 con đều sống với mẹ; đã ổn định về đời sống, tâm lý, việc học tập và theo nguyện vọng của các cháu muốn được sống chung với mẹ. Mặt khác, ông E đang bị bệnh viêm gan nặng, nhưng thường xuyên uống rượu nên không đảm bảo sức khỏe, điều kiện để chăm sóc con. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu H và cháu H1 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông E không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng cho mỗi con là 900.000 đồng đến khi các con chung thành niên là phù hợp với khả năng kinh tế và tình trạng thực tế của ông E.

[7] Về chia tài sản chung: Tài sản chung của bà O và ông E là 01 căn nhà tường; kết cấu: Móng, cột, đà bê tông cốt thép; tường xây gạch, bên ngoài sơn nước, bên trong chưa tô; nền xi măng; mái tôn thiết, xà gồ gỗ, có nhà vệ sinh bên trong; diện tích: 87,2m², gắn liền với thửa đất số: 762, tờ bản đồ số 09, loại đất: ONT, diện tích: 100m², tại Khu dân cư xã T, thị xã K, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG 976743 ngày 12/7/2017 do UBND thị xã K cấp cho Lê Văn Quốc K, Lê Thị C; đã đăng ký chuyển quyền sử dụng cho ông Võ Văn E ngày 07/7/2022, theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ tại thị xã K, tỉnh Long An; nhà đất hiện nay ông Võ Văn E đang quản lý sử dụng; có giá trị là 689.543.000 đồng.

[8] Xét thấy, căn nhà gắn liền với thửa đất số 762 không đủ diện tích để chia bằng hiện vật theo quy định pháp luật đất đai, nhưng hai bên đều yêu cầu được chia bằng hiện vật và đồng ý thanh toán cho bên còn lại ½ giá trị nhà đất mà họ được hưởng. Tuy nhiên, sau khi ly hôn bà O phải trực tiếp nuôi con và hiện nay cũng không có nhà ở, đất ở hoặc đất sản xuất nào khác; trong khi ông E còn có quyền sử dụng đất tại thửa số 849, 850, tờ bản đồ số 9, diện tích: 12.453m², loại đất: LUC, tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên ông E có khả năng tự tạo lập chỗ ở khác. Như vậy, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên khi giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn thì cần chia nhà đất tại thửa đất số 762 cho bà O sở hữu, sử dụng; bà O có nghĩa vụ thanh toán cho ông E ½ giá trị nhà đất theo định giá là phù hợp. Ông E được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tạo lập chỗ ở mới.

[9] Về nợ chung: Theo Văn bản số 696/TB-NHCTLA ngày 07/11/2023 của Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh L thì ông E và bà O đã tất toán xong toàn bộ nợ gốc và nợ lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bà O và ông E không còn nợ chung với nhau. Ông E không yêu cầu và bà O cũng không tự nguyện trả lại ½ số tiền mà ông E đã trả nợ cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là 19.128.000 đồng. Ông E và bà O mỗi người phải chịu ½ tiền chi phí tố tụng là 9.564.000 đồng. Bà O đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên ông E phải có nghĩa vụ nộp trả lại cho bà O 9.564.000 đồng.

[11] Về án phí: Bà O phải chịu án phí ly hôn, án phí chia tài sản chung; ông E phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

[12] Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ chấp nhận; ý kiến đề nghị phản bác của ông E là không cơ sở chấp nhận. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 59, 62, 63, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến O đối với ông Võ Văn E.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Yến O được ly hôn với ông Võ Văn E.

- *Về nuôi con chung:* Ông Võ Văn E với bà Nguyễn Thị Yến O có hai con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 14/12/2009 và Võ Gia H1, sinh ngày 07/01/2016. Sau khi ly hôn, bà O được quyền trực tiếp nuôi hai con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Võ Văn E phải cấp dưỡng nuôi cháu Võ Gia H và Võ Gia H1 mỗi cháu là 900.000 đồng/tháng đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về chia tài sản chung:*

Bà Nguyễn Thị Yến O được quyền sở hữu và quyền sử dụng 01 căn nhà tường; kết cấu: Móng, cột, đà bê tông cốt thép; tường xây gạch, bên ngoài sơn nước, bên trong chưa tô; nền xi măng; mái tôn thiết, xà gồ gỗ, có nhà vệ sinh bên trong; diện tích: 87,2m², gắn liền với thửa đất số: 762, tờ bản đồ số 9, loại đất: ONT, diện tích: 100m², tại Khu dân cư xã T, thị xã K, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG 976743 ngày 12/7/2017 do UBND thị xã K cấp cho Lê Văn Quốc K, Lê Thị C; đã đăng ký chuyển quyền sử dụng cho ông

Võ Văn E ngày 07/7/2022, theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ tại thị xã K, tỉnh Long An.

Buộc bà Nguyễn Thị Yến O có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn E ½ giá trị nhà đất là 344.771.000 đồng.

Buộc ông Võ Văn E có nghĩa vụ dọn dẹp, di dời đồ dùng sinh hoạt cá nhân để giao căn nhà tường và thửa đất số 762 cho bà Nguyễn Thị Yến O quản lý, sử dụng sau khi hết thời hạn lưu cư 06 (sáu) tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về đăng ký đất đai:

- Bà Nguyễn Thị Yến O có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với Cơ quan tài nguyên và môi trường, Cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ở tại thửa đất số 762 theo quy định của pháp luật đất đai.

- Cơ quan đăng ký đất đai, Cơ quan tài nguyên và môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Yến O phải chịu 9.564.000 đồng; đã nộp xong.

Buộc ông Võ Văn E phải nộp 9.564.000 đồng để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y Oanh tiền tạm chi phí tố tụng là 9.564.000 đồng.

4 Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Yến O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 17.238.550 đồng án phí chia tài sản; chuyển 5.925.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai số: 0000163 ngày 10 tháng 07 năm 2023 và 2.994.000 đồng theo biên lai số: 0003154 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí; buộc bà Nguyễn Thị Yến O phải nộp tiền án phí còn thiếu là 8.619.550 đồng.

Buộc ông Võ Văn E phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 17.238.550 đồng tiền án phí chia tài sản chung.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND xã Tuyên Thạnh, TX. Kiến Tường;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương